

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2021/DS-ST

Ngày: 22/11/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh;

2. Bà Trần Thị Cúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Vào ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 168/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2021/QĐST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2021/QĐST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1958, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1963, (vắng mặt);

2.2. Chị Nguyễn Thị D N (Tên thường gọi là D), sinh năm 1994, (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 20/4/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:**

Vào ngày 25/12/2020, bà Nguyễn Thị K và con là chị Nguyễn Thị D N có vay của ông số tiền 10.000.000 đồng, khi vay bà K và chị D N có viết giấy mượn tiền cho ông, thỏa thuận lãi suất 50.000 đồng/1.000.000 đồng. Sau khi vay, bà K và chị D N không đóng tiền lãi cho ông. Mặc dù đã nhắc nhở bà K, chị D N nhiều lần nhưng bà K, chị D N vẫn không trả tiền.

Nay ông yêu cầu bà K, chị D N phải trả cho ông số tiền 10.000.000 đồng và

yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 25/12/2020 đến ngày Tòa án xét xử vụ kiện, yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

\* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhưng bà K, chị D N vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn bà K, chị D N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P yêu cầu bà Nguyễn Thị K và chị Nguyễn Thị D N trả số tiền vốn 10.000.000 đồng và tiền lãi. Bị đơn bà K, chị D N có cùng địa chỉ tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ khoản khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Giao dịch dân sự về việc cho vay tiền giữa ông P với bà K, chị D N có lập thành văn bản, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận.

3.2. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ bởi nguyên đơn cung cấp “Giấy mượn tiền ngày 25/12/2020” có chữ ký của bà K và chị D N. Giao dịch cho vay tiền này thực tế đã phát sinh nhưng đến nay bà K, chị D N không trả tiền cho ông P là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông P nên ông P khởi kiện yêu cầu bà K, chị D N trả lại số tiền vốn 10.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

3.3. Về tiền lãi: Tại phiên tòa, ông P yêu cầu bà K, chị D N phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 25/12/2020 đến ngày xét xử hôm

nay. Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi vay tiền giữa ông P với bà K, chị D N có thỏa thuận trả tiền lãi nhưng bà K, chị D N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông P yêu cầu tính tiền lãi là phù hợp pháp luật. Xét mức lãi suất mà ông P yêu cầu là phù hợp với Điều 468 của Bộ luật dân sự. Do đó, cần buộc bà K, chị D N phải có trách nhiệm trả cho ông P số tiền lãi như sau:  $10.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng} = 905.000 \text{ đồng}$ .

Bị đơn bà K, chị D N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng không có ý kiến cũng như không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối với yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình. Đây là tình tiết mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc bà K, chị D N trả số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là 10.905.000 đồng

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P.

1. Buộc bà Nguyễn Thị K và chị Nguyễn Thị D N phải trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền 10.905.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị K và chị Nguyễn Thị D N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị K và chị Nguyễn Thị D N phải chịu 545.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn P số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000178 ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phạm Thị Mỹ Nhanh**

